

Công Ty TNHH TM DV ABC chuyên kinh doanh túi xách thời trang nữ, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá xuất kho theo PP bình quân cả kỳ dự trữ, khấu hao TSCĐ theo PP đường thẳng (đvt: đồng).

I. Số dư cuối kỳ năm N như sau:

1. Tiền mặt:	300,000,000
2. Tiền gửi ngân hàng BIDV:	800,000,000
3. Thuế GTGT còn được khấu trừ:	14,000,000
4. Tiền lương chưa trả người lao động T12/2021:	88,588,325
5. Tiền bảo hiểm T12/2021 chưa trả:	74,262,500
<i>a. BHXH</i>	<i>57,125,000</i>
<i>b. BHYT</i>	<i>10,282,500</i>
<i>c. BHTN</i>	<i>2,285,000</i>
<i>d. KPCĐ</i>	<i>4,570,000</i>
6. Nợ người bán (Cty B):	30,000 000
7. Phần mềm kế toán:	250,000,000
<i>Biết phần mềm kế toán bắt đầu tính khấu hao từ 01/03/2020, thời gian khấu hao là 5 năm</i>	
8. Laptop 10 cái:	80,000,000
9. Túi xách nữ thời trang tại kho hàng hóa 100 cái:	20,000,000
10. Khách hàng (Cty A) nợ:	35,000,000
11. Khấu hao lũy kế:	X
12. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	Y
13. Vốn đăng ký kinh doanh:	500,000,000

II. Tình hình phát sinh trong năm N+1 như sau:**1. Ngày 03/01**

Mua nhập kho theo phiếu nhập kho PN22.001 là 700 túi xách, đơn theo hóa đơn STV008 với giá chưa VAT 10% là 195,000đ/cái. Chi phí vận chuyển 550,000đ đã có VAT 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.

2. Ngày 05/01

Mua máy chiếu cho phòng họp công ty theo hóa đơn GTGT có VAT 10% số TG004, tổng giá trị là 110,000,000. Chi phí vận chuyển theo hóa đơn GTGT 10% số HDFV001 được trả bằng tiền mặt theo phiếu chi số PC22.002, với tổng giá trị thanh toán là 1,500,000, Các chi phí khác trước khi đưa vào sử dụng được thanh toán bằng tiền mặt 500,000 theo phiếu chi số PC22.003

3. Ngày 09/01

Bán 500 túi xách nữ với giá chưa thuế 700,000/Cái theo hóa đơn GTGT 10% số SV22.001 và phiếu xuất số PX22.003

4. Ngày 12/01

Xuất 06 Laptop theo đề nghị xuất kho và phiếu xuất kho số PX22.004, biết thời gian phân bổ 05 tháng, sử dụng nhân viên kế toán 02 cái, nhân viên Marketing 03 cái, trưởng phòng KD 01 cái.

5. Ngày 15/01

Nhận hóa đơn tiền số EVN22001 với giá chưa VAT 10% của tiền điện phải trả cho phân xưởng sản xuất 2,000,000; cho phòng bán hàng 1,000,000; cho phòng kế toán 1,500,000.

6. Ngày 16/01

Chi tiền mặt tạm ứng lương giữa tháng 10%/lương chính cho nhân viên

7. Ngày 18/01

Mua văn phòng phẩm trả bằng tiền mặt theo phiếu chi số PC22.006, dùng cho bộ phận bán hàng 200,000 và bộ phận quản lý doanh nghiệp 400,000

Yêu cầu:

1. Tính X, Y
2. Hạch toán các nghiệp vụ
3. Lập báo cáo tài chính cho tháng 01 năm N+1.

Danh mục quản lý nhân viên

Stt	Mã NV	Tên NV	Chức vụ	Bộ phận	Lương chính	Số người phụ thuộc	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp tiền ăn trưa	Tạm ứng
1	NV005	Nguyễn Văn A5	TP KD	Bán hàng	12,000,000	0	2,000,000	500,000	
2	NV006	Nguyễn Văn A6	NVBH	Bán hàng	10,500,000	2	0	500,000	
3	NV007	Nguyễn Văn A7	NVBH	Bán hàng	9,000,000	1	0	500,000	
4	NV008	Nguyễn Văn A8	KTT	Quản lý	15,000,000	0	2,000,000	500,000	
5	NV009	Nguyễn Văn A9	KTV	Quản lý	10,000,000	3	0	500,000	
6	NV010	Nguyễn Văn A10	GĐ	Quản lý	20,000,000	2	5,000,000	500,000	
7	NV011	Nguyễn Văn A11	PGĐ	Quản lý	18,000,000	1	4,500,000	500,000	
TỔNG CỘNG					220,500,000	0	8,000,000	5,500,000	

Sổ phụ ngân hàng TK tháng 01.N+1

STT	SỐ GIAO DỊCH	NGÀY GIAO DỊCH	SỐ TÀI KHOẢN	POS HOẠCH TOÁN	GHI NỢ	GHI CÓ	DƯ CUỐI NGÀY	DIỄN GIẢI
1	BFP0153	01/01	67910000322145	HOI SO BIDV		50,000,000	850,000,000	Cty A trả nợ cũ 35trieu và cọc tiền đặt mua túi xách 15trieu
2	BFP0154	03/01	67910000322145	PGD BIDV	22,000,000		828,000,000	Thanh toán tiền mua hàng Cty C theo hóa đơn HC001.
3	BFP0154	05/01	67910000322145	PGD BIDV	88,588,325		739,411,675	Chi trả tiền lương T12/2021
4	BFP0155	06/01	67910000322145	PGD BIDV	10,000,000		729,411,675	Chủ TK rút tiền mặt